



# MARKET INSIGHTS REPORTS

02.01.2025

**KHỐI NGOẠI VẪN TIẾP TỤC XU HƯỚNG  
BÁN RÒNG**



# NỘI DUNG CHÍNH

- 03 - 04** CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG
- 05** TTCK VIỆT NAM – GÓC NHÌN GIAO DỊCH THỊ TRƯỜNG
- 06** PHÂN TÍCH KỸ THUẬT  
*Chỉ số giao dịch với thân nến hẹp trong biên độ đi ngang*
- 07** HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY
- 07** CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN
- 08** DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST
- 08** TIN TỨC KINH TẾ VĨ MÔ
- 09** BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY  
*Vốn hóa các hãng xe trong ngành công nghiệp Ô tô toàn cầu*  
*Suất sinh lời các loại tài sản năm 2024*
- 10** TTCK MỸ  
*Dự báo các chỉ số chính sẽ sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.*

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## THỊ TRƯỜNG TRONG NGÀY



## ĐỘ RỘNG THỊ TRƯỜNG

### HOSE

Tổng số cổ phiếu giao dịch	477
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	239
Số cổ phiếu giảm giá	164
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	74

### HNX

Tổng số cổ phiếu giao dịch	215
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	88
Số cổ phiếu giảm giá	72
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	55

### UPCOM

Tổng số cổ phiếu giao dịch	360
Số cổ phiếu không có giao dịch	0
Số cổ phiếu tăng giá	180
Số cổ phiếu giảm giá	90
Số cổ phiếu giữ nguyên giá	90

## GIAO DỊCH NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

### HOSE

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	34,659.83	34,613.33	46.50
% KL toàn thị trường	8.10%	8.08%	
Giá trị	1,104,943	1,201,116	(96,173)
% GT toàn thị trường	10.28%	11.17%	

### HNX

	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	1,071.73	1,423.34	(351.61)
% KL toàn thị trường	8.10%	8.08%	
Giá trị	33,097	42,028	(8,931)
% GT toàn thị trường	5.29%	6.72%	

### UPCOM

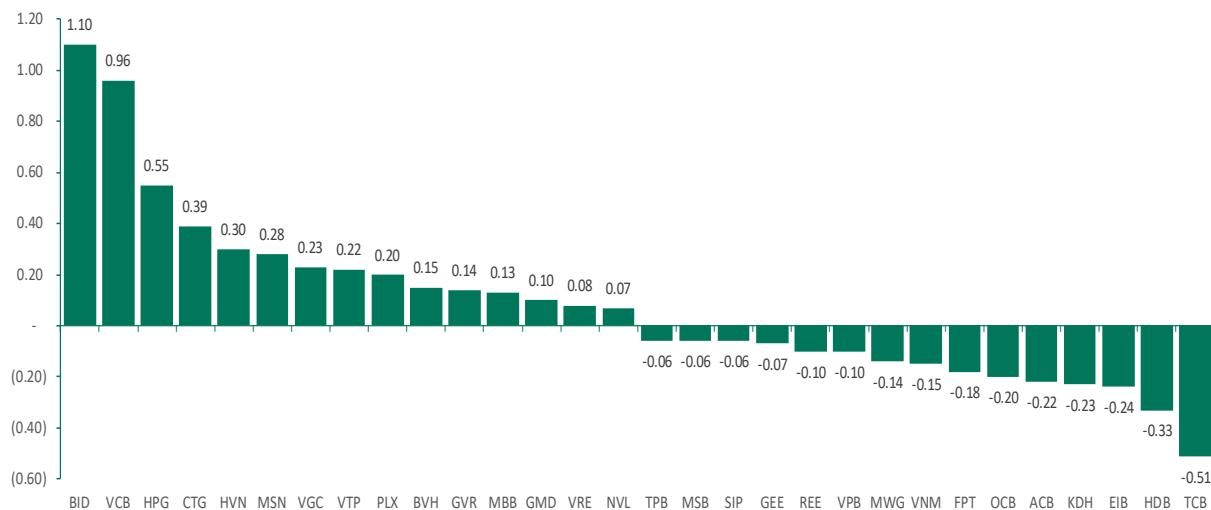
	Mua	Bán	Mua-Bán
Khối lượng	432.38	537.58	(105.19)
% KL toàn thị trường	0.98%	1.21%	
Giá trị	35,898	45,435	(9,537)
% GT toàn thị trường	5.49%	6.95%	

# CHUYỂN ĐỘNG THỊ TRƯỜNG

## TOP 10 VỐN HÓA

STT	Mã CK	KL	Giá	Thay đổi	P/E	P/B	EPS	Vốn hóa
1	VCB	1,630,500	91,900	700 (0.77%)	14.84	2.70	6,194	513,637
2	BID	3,160,500	38,200	650 (1.73%)	9.09	1.57	4,201	263,485
3	FPT	3,172,800	152,000	-500 (-0.33%)	26.89	6.28	5,652	223,603
4	CTG	5,742,600	38,100	300 (0.79%)	9.23	1.45	4,128	204,597
5	HPG	14,961,200	27,000	350 (1.31%)	13.31	1.55	2,028	172,699
6	TCB	7,834,500	24,350	-300 (-1.22%)	4.63	1.19	5,254	172,029
7	VHM	3,009,900	40,000	0 (0%)	8.53	0.81	4,691	164,296
8	GAS	427,800	68,100	0 (0%)	14.10	2.67	4,831	159,536
9	VIC	1,340,500	40,550	0 (0%)	16.27	0.94	2,492	155,049
10	VPB	8,363,400	19,150	-50 (-0.26%)	11.41	1.07	1,679	151,935

## TỔP CÁC CỔ PHIẾU ẢNH HƯỞNG TỚI VN-INDEX



## TĂNG GIẢM CHỈ SỐ NGÀNH

Ngành	% Index (D)	Số mã
<b>Tất cả</b>	<b>-0.05%</b>	<b>1,600</b>
<b>Tài chính</b>	<b>-0.76%</b>	104
> Tổ chức tín dụng	-0.71%	29
> Dịch vụ tài chính	-0.85%	62
> Bảo hiểm	-1.65%	13
<b>Công nghiệp</b>	<b>+0.39%</b>	388
> Vận tải	+0.43%	132
> Tư liệu sản xuất	+0.24%	212
> Dịch vụ chuyên biệt và thương mại	+0.60%	44
> Bất động sản	-0.02%	142
<b>Tiêu dùng thiết yếu</b>	<b>+1.32%</b>	162
> Thực phẩm, đồ uống và thuốc lá	+1.33%	155
> Đồ gia dụng và cá nhân	+0.10%	6
> Nguyên vật liệu	-0.75%	260
> Tiện ích	+0.12%	150
<b>Tiêu dùng không thiết yếu</b>	<b>-0.37%</b>	262
> Phân phối và bán lẻ hàng lâu bền	-0.42%	125
> Hàng tiêu dùng và trang trí	-0.11%	92
> Dịch vụ tiêu dùng	-1.26%	33
> Xe và linh kiện	-0.70%	12
<b>Viễn thông</b>	<b>+1.04%</b>	48
> Viễn thông	+1.24%	22
> Truyền thông giải trí	-3.42%	26
<b>Công nghệ thông tin</b>	<b>+1.25%</b>	14
> Phần mềm	+1.29%	7
> Phần cứng	-12.05%	5
> Bán dẫn	-3.71%	2
<b>Năng lượng</b>	<b>+0.93%</b>	21
<b>Chăm sóc sức khỏe</b>	<b>+0.62%</b>	49
> Dược phẩm - sinh học	+0.67%	44
> Chăm sóc sức khỏe	-0.17%	5

### Góc nhìn giao dịch thị trường

Chỉ số VN-Index đóng cửa tăng 2.93 điểm (+ 0.23%) trong ngày hôm nay. Hôm nay có vài điểm đáng lưu ý như sau:

**(1) Chăm sóc sức khỏe, xe và linh kiện, vận tải, bảo hiểm, viễn thông, dược phẩm và sinh học, nguyên vật liệu, tư liệu sản xuất, phân phối bán lẻ hàng lâu bền, tổ chức tín dụng, bất động sản... là nhóm tăng giá nhiều nhất trong ngày.** Đà tăng được dẫn dắt bởi các cổ như TNH, CSM, DRC, VTP, VOS, ACV, HVN, GMD, VSC, PHP, PVT, BVH, MIG, BIC, BMI, VGI, FOX, CTR, DHT, TRA, DMC, DBD, HPG, GVR, VGC, DPM, HSG, BMP, GDA, CSV, NKG, VEA, VCG, CTD, DPG, HBC, PLX, FRT, DGW, OIL, VCG, BID, CTG, STB, MBB, VRE, NVL, KBC, IDC, HDG, DIG, DXG... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) CSM tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá lên – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đang trong sóng 3 tăng giá với mục tiêu 20 – 21;
- ✓ Hỗ trợ khi điều chỉnh là vùng giá 15;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 54%;

(ii) VOS tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Long White Candle”;
- ✓ Giá tăng khối lượng giảm – Tín hiệu tăng giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Giá cổ phiếu nằm trên MA(20) và MA(50) cắt lên MA(200) – Tín hiệu mua ngắn trung và dài hạn đã xuất hiện ở cổ phiếu này;
- ✓ Khối ngoại mua ròng liên tục hỗ trợ đà tăng của cổ phiếu;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 58%;

(iii) DPG tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Cổ phiếu phục hồi từ vùng quá bán – Khả năng có thể xuất hiện mô hình hai đáy;
- ✓ Dự phóng lợi nhuận 2025 có thể ở mức lãi ròng khoảng 400 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 50%;

(iv) CTD tăng giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “White Opening Marubozu”;
- ✓ Giá tăng khối lượng tăng – Tín hiệu tăng giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng trên mở ra hỗ trợ giá tăng – Tín hiệu tích cực;
- ✓ Giá đóng cửa chưa vượt kháng cự 70 – Tín hiệu vẫn cản trở đà tăng giá mạnh hơn;

- ✓ Dự phóng lợi nhuận 2025 sẽ vào khoảng 400 – 450 tỷ đồng bao gồm hoàn nhập dự phòng nợ xấu từ 100 – 145 tỷ đồng;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 62%;

**(2) Thực phẩm đồ uống và thuốc lá, tiện ích, hàng tiêu dùng và trang trí, truyền thông giải trí, phần mềm, năng lượng, dịch vụ tài chính... là nhóm giảm giá nhiều nhất trong ngày.** Đà giảm được dẫn dắt bởi các cổ phiếu như MCH, VNM, BAF, SBT, REE, BWE, GEG, GEX, TLG, GEE, MSH, RAL, SAM, YEG, FPT, BSR, PVS, SSI, HCM, MBS, BSI, CTS... Các điểm cần lưu ý ở những nhóm ngành này:

(i) VNM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Closing Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Mô hình vận động khá tiêu cực khi sau chuỗi giảm giá xuất hiện kiểu lá cờ với kháng cự là vùng giá 65 không thể chinh phục được – NĐT nên đứng ngoài quan sát;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 64%;

(ii) GEX giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Opening Marubozu”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Vận động giá trung hạn vẫn là mô hình tiêu cực khi sau đợt giảm giá xuất hiện một nhịp phục hồi theo mô hình Rising Wedge và giá không vượt kháng cự 20 – NĐT nên đứng ngoài quan sát vì đây không phải là mô hình giao dịch an toàn;
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 57%;

(iii) BSR giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Small Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng giảm – Tín hiệu giảm giá không có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Phân kỳ âm cảnh báo sự đảo chiều giữa giá và RSI(14) – Tín hiệu tiêu cực ngắn hạn;
- ✓ Hỗ trợ ngắn hạn là vùng giá 21 – 22;
- ✓ Cổ phiếu đang có xu hướng đi ngang;
- ✓ Xác suất tăng giá ngày mai là 56%;

(iv) HCM giảm giá trong ngày:

- ✓ Mẫu hình nền giao dịch là: “Black Candle”;
- ✓ Giá giảm khối lượng tăng – Tín hiệu giảm giá có sự hỗ trợ bởi khối lượng;
- ✓ Dải băng co hẹp cảnh báo sự biến động mạnh sắp diễn ra – NĐT nên quan sát mở lệnh giao dịch theo chiều tăng hoặc giảm với khối lượng lớn xuất hiện;
- ✓ Hỗ trợ hiện tại là quanh 28 – Quanh vùng giá MA(200);
- ✓ Xác suất giảm giá ngày mai là 56%;

## VN-Index dưới góc nhìn kỹ thuật

VN-Index đóng cửa giao dịch tạo thành mẫu hình giao dịch “White Candle”. Khối lượng giao dịch giảm và nằm dưới mức trung bình 20 ngày. Theo lý thuyết, thì giá tăng khối lượng giao dịch giảm không phải là mô hình tăng giá cổ sự hỗ trợ của khối lượng – Tín hiệu không quá tích cực.

Các điểm cần lưu ý:

(i) NĐT nước ngoài bán mua ròng hơn 177 tỷ đồng (Tính cả 3 sản). Tốp mua ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: MSN, HPG, VRE, VGC, VTP, MCH, VCI, FRT, LPB, MWG... Tốp bán ròng khớp lệnh của nước ngoài gồm các mã: FPT, ACV, CTG, SSI, EIB, VCB, VNM, VND, TCB, STB... Bắt đầu năm mới, khối ngoại vẫn tiếp tục xu hướng bán ròng. Thành thực còn quá sớm để kết luận xu hướng bán ròng bao giờ chấm dứt. Hiện tại, chênh lệch lãi suất giữa trái phiếu chính phủ Mỹ 10 năm và lãi suất tại Việt Nam vẫn tiếp tục duy trì ở mức khá cao và đây có lẽ là nguyên nhân chính khiến áp lực bán ròng vẫn ở mức cao. Xét trong năm 2024, VND đã mất giá khoảng 5.05% và điều này khiến chỉ số MCSI Việt Nam theo USD là âm 6% và là một trong những chỉ số tệ nhất trên thế giới. Có lẽ điều này vẫn là nhân tố chính khiến áp lực bán ròng của khối ngoại tiếp tục duy trì.

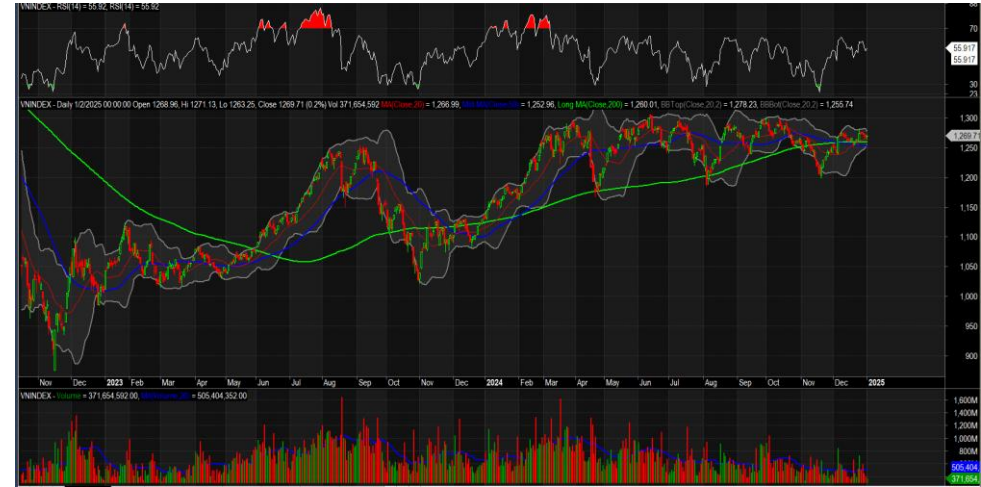
(ii) Sau cây nến tăng điểm mạnh ngày 25/12/2024, chỉ số có 5 cây nến nhỏ thân hẹp chưa xóa cây nến tăng. Về lý thuyết, chúng ta vẫn trong xu hướng tăng của thị trường. Đặc biệt khi giảm điểm khối lượng giao dịch cũng thường duy trì ở mức thấp cho thấy áp lực bán không quá lớn. Về cơ bản giao dịch vẫn nằm trong một vùng giá đi ngang. Điều này thể hiện rõ qua dải băng co hẹp lại và không mở ra để hỗ trợ giá lên. Điểm sáng là trong giai đoạn vừa qua, thị trường phân hóa tốt, dòng tiền đầu cơ lan tỏa và nhiều mã bắt đầu có mức sinh lời trên 20% trong 1-2 tuần.

(iii) Hôm nay, thị trường bắt đầu năm mới không có sự hưng khởi như 3 năm trước đây đều tăng trên 12 điểm. Về cơ bản chúng ta vẫn thấy sự thận trọng của NĐT trong bối cảnh hiện tại. Đây cũng là điều chúng tôi lo lắng trong vài tháng qua chính là trạng thái đi ngang có thể kéo dài tới tận tháng 3/2025 bởi NĐT có xu hướng hạn chế giao dịch vào giai đoạn nghỉ lễ trong bối cảnh hiệu suất sinh lời của thị trường không quá lớn. May mắn lớn nhất lúc này là lác đác hoạt động đầu cơ vẫn xuất hiện và chúng ta vẫn đang thấy vòng quay rủi ro tiếp tục ở nhóm vốn hóa vừa và nhỏ như CSM, HNG, HBC, VOS, VTP... Về cơ bản điều này vẫn tạo ra sự hưng phấn nhỏ chứ không phải tâm lý bi quan bao trùm toàn thị trường.

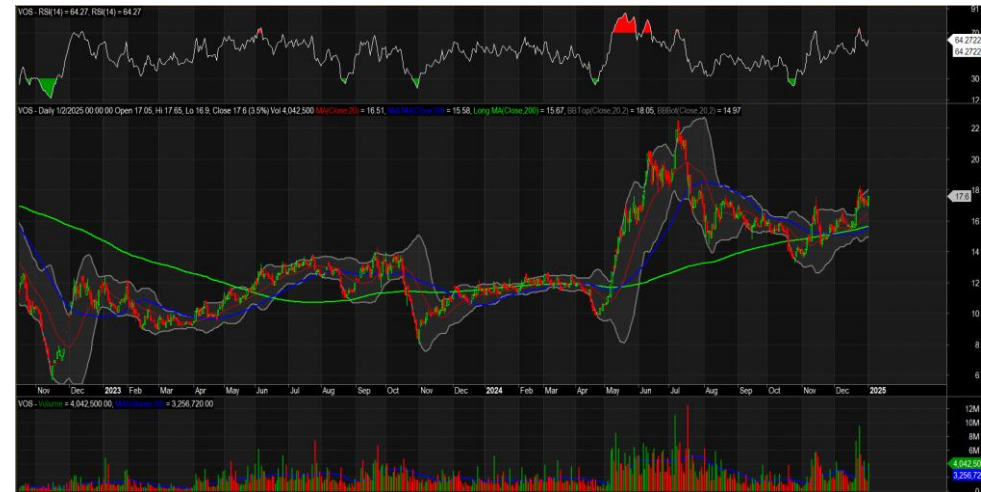
Theo phương pháp phân tích “Price Action” với VN30 chúng ta có 04 mã cho tín hiệu mua, 09 mã cho tín hiệu bán, 17 mã cho tín hiệu đi ngang. SAB, MBB, BID, CTG... cho tín hiệu tích cực.

Theo thống kê định lượng, với mẫu hình hôm nay thì phiên giao dịch tiếp theo, VN-Index có xác suất giảm điểm là 52% và 61.11% giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa. Dựa trên thống kê, chỉ số giao dịch sẽ giảm điểm với giá đóng cửa cao hơn giá mở cửa vào phiên giao dịch ngày thứ 6. Hỗ trợ là 1,230 điểm và kháng cự là 1,300 điểm.

## Biểu đồ chỉ số VN-Index



## Biểu đồ cổ phiếu VOS



## HỖ TRỢ VÀ KHÁNG CỰ CỔ PHIẾU TRONG NGÀY

Ticker	Pivot	BC	TC	NarrowRange	R1	R2	R3	R4	S1	S2	S3	S4
HNX30	476.56	475.2	477.93	NO	483.07	486.85	493.36	497.14	472.78	466.27	462.49	455.98
HNXINDEX	227.47	227.36	227.58	YES	228.41	229.14	230.08	230.81	226.74	225.8	225.07	224.13
UPIINDEX	94.98	94.95	95.02	YES	95.39	95.72	96.13	96.46	94.65	94.24	93.91	93.5
VN30	1341.58	1340.77	1342.39	YES	1348.76	1354.33	1361.51	1367.08	1336.01	1328.83	1323.26	1316.08
VNINDEX	1268.03	1267.19	1268.87	YES	1272.81	1275.91	1280.69	1283.79	1264.93	1260.15	1257.05	1252.27
VNXALL	2120.37	2120.37	2120.37	YES	2120.37	2120.37	2120.37	2120.37	2120.37	2120.37	2120.37	2120.37
VN30FIM	1344.9	1343.9	1345.9	YES	1353.5	1360.1	1368.7	1375.3	1338.3	1329.7	1323.1	1314.5
VN30F1Q	1349.23	1350.5	1347.97	YES	1356.47	1366.23	1373.47	1383.23	1339.47	1332.23	1322.47	1315.23
VN30F2M	1348.13	1347.65	1348.62	YES	1355.87	1362.63	1370.37	1377.13	1341.37	1333.63	1326.87	1319.13
VN30F2Q	1352.43	1352.9	1351.97	YES	1358.37	1365.23	1371.17	1378.03	1345.57	1339.63	1332.77	1326.83
BCM	70.47	70.3	70.63	NO	71.13	71.47	72.13	72.47	70.13	69.47	69.13	68.47
ACB	25.57	25.55	25.58	YES	25.73	25.87	26.03	26.17	25.43	25.27	25.13	24.97
BID	38.25	38.28	38.22	YES	38.6	39	39.35	39.75	37.85	37.5	37.1	36.75
BVH	51.43	51.4	51.47	YES	52.07	52.63	53.27	53.83	50.87	50.23	49.67	49.03
CTG	38	37.95	38.05	NO	38.4	38.7	39.1	39.4	37.7	37.3	37	36.6
FPT	151.6	151.4	151.8	NO	153.1	154.2	155.7	156.8	150.5	149	147.9	146.4
GVR	30.58	30.63	30.54	NO	30.72	30.93	31.07	31.28	30.37	30.23	30.02	29.88
GAS	68.2	68.25	68.15	YES	68.4	68.7	68.9	69.2	67.9	67.7	67.4	67.2
HDB	25.02	24.98	25.06	NO	25.58	26.07	26.63	27.12	24.53	23.97	23.48	22.92
HPG	26.92	26.88	26.96	NO	27.13	27.27	27.48	27.62	26.78	26.57	26.43	26.22
MBB	25.23	25.25	25.22	YES	25.42	25.63	25.82	26.03	25.02	24.83	24.62	24.43
MSN	70.57	70.45	70.68	NO	71.13	71.47	72.03	72.37	70.23	69.67	69.33	68.77
MWG	60.7	60.75	60.65	YES	61.1	61.6	62	62.5	60.2	59.8	59.3	58.9
PLX	38.17	38.18	38.16	YES	38.38	38.62	38.83	39.07	37.93	37.72	37.48	37.27
POW	12.03	12.05	12.02	NO	12.12	12.23	12.32	12.43	11.92	11.83	11.72	11.63
SAB	55.5	55.45	55.55	YES	55.9	56.2	56.6	56.9	55.2	54.8	54.5	54.1
SSB	16.7	16.67	16.72	NO	16.95	17.15	17.4	17.6	16.5	16.25	16.05	15.8
SHB	10.28	10.3	10.27	NO	10.32	10.38	10.42	10.48	10.22	10.18	10.12	10.08
SSI	26.07	26.13	26.01	NO	26.23	26.52	26.68	26.97	25.78	25.62	25.33	25.17
TCB	24.45	24.5	24.4	NO	24.6	24.85	25	25.25	24.2	24.05	23.8	23.65
TPB	16.55	16.55	16.55	YES	16.7	16.85	17	17.15	16.4	16.25	16.1	15.95
STB	36.93	36.9	36.97	YES	37.27	37.53	37.87	38.13	36.67	36.33	36.07	35.73
VHM	40.05	40.08	40.02	YES	40.15	40.3	40.4	40.55	39.9	39.8	39.65	39.55
VCB	91.97	92	91.93	YES	92.43	92.97	93.43	93.97	91.43	90.97	90.43	89.97
VIB	19.75	19.78	19.73	NO	19.9	20.1	20.25	20.45	19.55	19.4	19.2	19.05
VIC	40.47	40.42	40.51	NO	40.63	40.72	40.88	40.97	40.38	40.22	40.13	39.97
VJC	99.67	99.55	99.78	NO	100.33	100.77	101.43	101.87	99.23	98.57	98.13	97.47
VPB	19.1	19.08	19.13	NO	19.25	19.35	19.5	19.6	19	18.85	18.75	18.6
VNM	63.33	63.45	63.22	NO	63.57	64.03	64.27	64.73	62.87	62.63	62.17	61.93
VRE	17.32	17.33	17.31	YES	17.43	17.57	17.68	17.82	17.18	17.07	16.93	16.82

- Resistance và Support: Là các hỗ trợ và kháng cự trong ngày của cổ phiếu. Nhà đầu tư khi mua bán thì cần theo các vùng giá hỗ trợ hay kháng cự.
- Pivot: Là nơi xác nhận xu hướng đảo chiều của cổ phiếu.

## CỔ PHIẾU CÓ KHỐI LƯỢNG GIAO DỊCH ĐỘT BIẾN

Ticker	Volume	AvgVolume 10 Days	Change %	Daily Returns %
DST	3,182,500	681,030	467	8.93
VGC	3,000,200	1,196,670	251	4.56
LIG	1,482,300	446,060	332	10
NAG	<b>567,500</b>	<b>268,220</b>	<b>211.58</b>	<b>0.93</b>
TLG	557,900	266,000	210	-3.79
TTH	523,000	193,170	271	7.14
VHG	<b>517,500</b>	<b>196,630</b>	<b>263.18</b>	<b>0</b>
DFF	385,100	178,620	216	5.88
TRC	335,600	121,470	276	-3.35
VTD	<b>281,100</b>	<b>39,090</b>	<b>719.11</b>	<b>0</b>
MCG	265,000	95,350	278	0
HMC	258,700	44,420	582	6.67
SPD	240,000	46,780	513	0
FUEVN100	180,600	79,720	227	-0.17
FUEKIVND	<b>170,700</b>	<b>2,140</b>	<b>7976.64</b>	<b>-1.03</b>
FUESSV30	156,600	22,150	707	-0.12
C92	144,100	47,660	302	-6.78
HSL	118,500	52,620	225	0.74
PLP	106,500	49,580	215	5.77
ILA	<b>75,300</b>	<b>34,880</b>	<b>215.88</b>	<b>2.17</b>
LSG	64,000	11,110	576	11.71
VLA	62,500	12,850	486	-4.55
VTX	49,700	-	1.#J	6.25
PVM	43,500	5,590	778	0
SRB	<b>32,700</b>	<b>16,280</b>	<b>200.86</b>	<b>0</b>
NDC	32,600	4,080	799	0
NTC	30,900	12,120	255	0
NCG	30,600	9,240	331	0
SGB	28,700	880	3,261	-4.76
CBS	27,300	12,370	221	0.96
MTL	22,100	9,700	228	7.84
VCC	18,600	2,850	653	8.99
TRA	14,200	2,570	553	1.27
SZE	13,600	3,460	393	0
DMC	12,700	2,460	516	6.23
INN	12,500	3,790	330	-0.18
PDB	11,200	3,780	296	0.98
DTK	11,000	1,560	705	-5.8
VEF	10,400	4,820	216	0.06
HD8	10,400	520	2,000	-1.23

- Lưu ý: DST, VGC...có khối lượng giao dịch đột biến lớn

# DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ MUA BÁN CỦA SMART INVEST

Ngày khuyến nghị	Mã CK	Khuyến nghị hành động	Giá mua/bán	Hiệu suất sinh lời	Ghi chú
9-Dec	VHC	Mua	≤ 74.5	10% -20%	Buy Kumo Break out/Xuất khẩu cá tra tăng mạnh về sản lượng và giá trị
9-Dec	HQC	Mua	≤ 3.4	10% -20%	Phân kỳ dương cảnh báo sự đảo chiều/Mô hình đáy vòng/Cổ phiếu có tính đầu cơ cao

## Các lưu ý cần chú ý:

- Hôm nay chúng tôi **KHÔNG MỞ MUA CỔ PHIẾU MỚI**;

## Tin tức kinh tế, vĩ mô

- Thị trường ngoại tệ:** Phiên 31/12, NHNN niêm yết tỷ giá trung tâm ở mức 24.335 VND/USD, tiếp tục tăng 05 đồng so với phiên đầu tuần. Tỷ giá mua giao ngay và tỷ giá bán giao ngay được giữ nguyên niêm yết lần lượt ở mức 23.400 VND/USD và 25.450 VND/USD. Trên thị trường LNH, tỷ giá chốt phiên với mức 25.485 VND/USD, không thay đổi so với phiên 30/12. Tỷ giá trên thị trường tự do đi ngang ở cả hai chiều mua vào và bán ra, giao dịch tại 25.750 VND/USD và 25.850 VND/USD.
- Thị trường tiền tệ LNH:** Ngày 31/12, lãi suất chào bình quân LNH VND tăng 0,03 – 0,99 đpt ở các kỳ hạn ngắn trong khi giảm 0,06 đpt ở kỳ hạn 2W và đi ngang ở kỳ hạn 1M so với phiên đầu tuần; cụ thể: ON 3,97%; 1W 4,97%; 2W 5,18 và 1M 5,30%. Lãi suất chào bình quân LNH USD tăng 0,01 – 0,04 đpt ở hầu hết các kỳ hạn ngoại trừ không thay đổi ở kỳ hạn 1W, giao dịch tại: ON 4,44%; 1W 4,50%; 2W 4,58%, 1M 4,61%. Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp giữ nguyên ở các kỳ hạn 3Y và 5Y trong khi tăng ở các kỳ hạn còn lại, chốt phiên với mức: 3Y 2,03%; 5Y 2,29%; 7Y 2,53%; 10Y 2,97%; 15Y 3,12%.
- Nghiệp vụ thị trường mở:** Trên kênh cầm cố, NHNN chào thầu 2.000 tỷ đồng, kỳ hạn 7 ngày, lãi suất ở mức 4,0%. Có 1.989,01 tỷ đồng trúng thầu; không có khối lượng đáo hạn. NHNN chào thầu tín phiếu NHNN ở 2 kỳ hạn 07 ngày và 14 ngày, đấu thầu lãi suất. Có 5.000 tỷ đồng trúng thầu ở kỳ hạn 07 ngày với lãi suất 4,0%, không có khối lượng trúng thầu ở kỳ hạn 14 ngày. Có 17.000 tỷ đồng tín phiếu đáo hạn. Như vậy, NHNN bơm ròng 13.989,01 tỷ đồng ra thị trường qua kênh thị trường mở trong phiên hôm qua. Có 86.988,92 tỷ đồng lưu hành trên kênh cầm cố, có 50.780 tỷ đồng tín phiếu lưu hành trên thị trường.

## Các thức chốt lời và dừng lỗ

- Các mã trong danh mục chúng tôi khuyến nghị khi đạt hiệu suất sinh lời kỳ vọng nhà đầu tư có thể chốt lời hoặc đặt Trailing Stop (Các lệnh duy trì mức lãi mong muốn để đảm bảo tỷ lãi khi thị trường đảo chiều sau khi đã có lãi đạt kỳ vọng và để tài khoản nuôi lãi chạy).

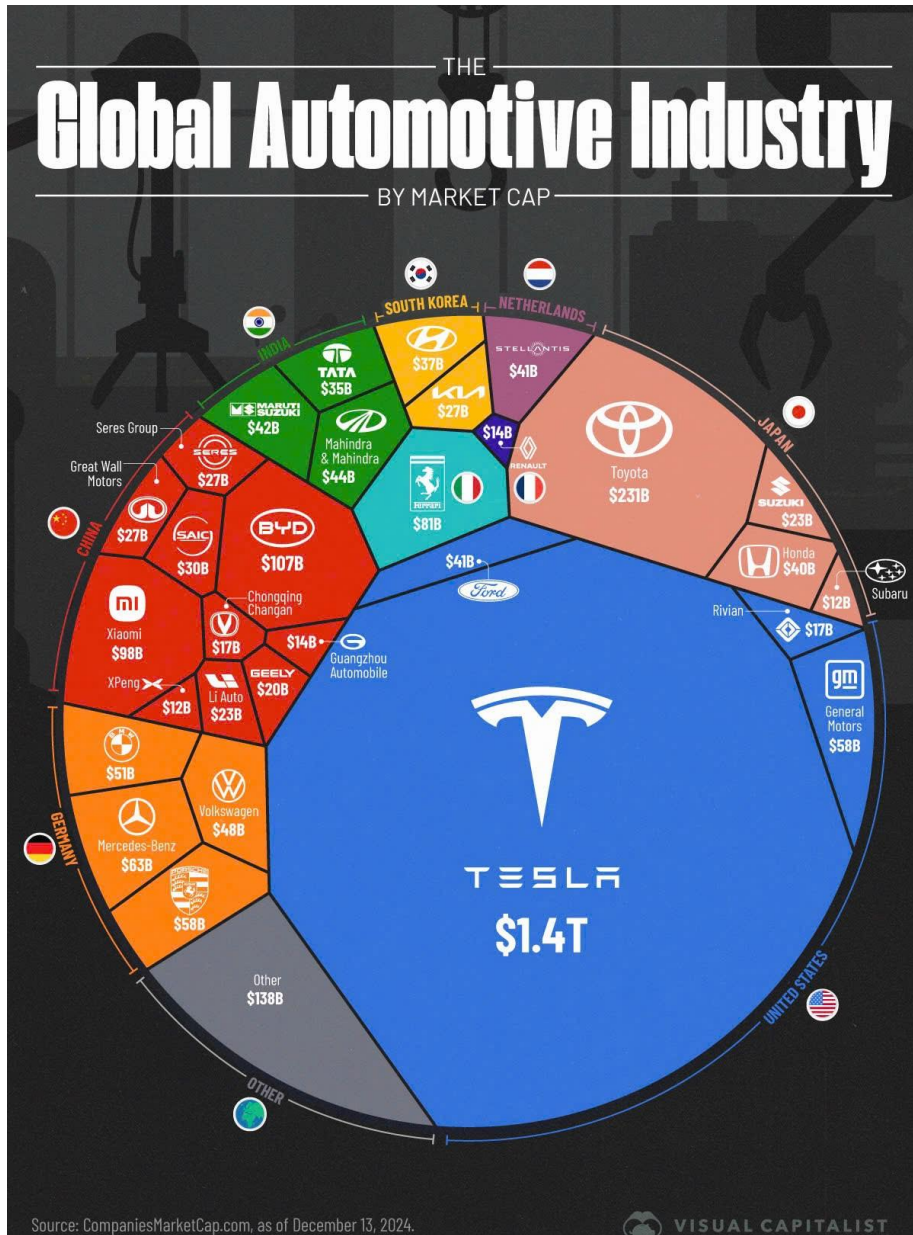
## Nguyên tắc dừng lỗ. Nhà đầu tư có thể lựa chọn các nguyên tắc dừng lỗ sau tùy theo quan điểm lựa chọn:

- Đặt mức dừng lỗ bằng ½ mức lợi nhuận trung bình mà mình kiếm được hàng năm;
- Đặt mức dừng lỗ theo điểm “Uncle”: Ngưỡng mà bản thân không thể chịu đựng được;
- Đặt mức dừng lỗ 10% ;



# BIỂU ĐỒ TRONG NGÀY

## Vốn hóa các hãng xe trong ngành công nghiệp Ô tô toàn cầu



## Suất sinh lời các loại tài sản năm 2024

2010-2024		2010	2011	2012	2013	2014	2015	2016	2017	2018	2019	2020	2021	2022	2023	2024
Large Cap	13.9%	REITs	REITs	REITs	Small Cap	REITs	REITs	Small Cap	EM Equity	Cash	Large Cap	Small Cap	REITs	Comdty.	Large Cap	Large Cap
Small Cap	16.3%	EM Equity	Small Cap	Fixed Income	High Yield	Large Cap	Large Cap	Large Cap	DM Equity	Fixed Income	REITs	EM Equity	Large Cap	Cash	DM Equity	Small Cap
REITs	9.4%	REITs	EM Equity	High Yield	EM Equity	DM Equity	Fixed Income	Large Cap	Large Cap	REITs	Small Cap	Large Cap	Comdty.	High Yield	Small Cap	Asset Alloc.
Asset Alloc.	7.2%	DM Equity	Comdty.	Large Cap	DM Equity	Asset Alloc.	Asset Alloc.	Cash	Comdty.	Small Cap	High Yield	DM Equity	Asset Alloc.	Small Cap	Fixed Income	Asset Alloc.
High Yield	5.9%	Comdty.	Large Cap	Cash	Small Cap	High Yield	Small Cap	DM Equity	EM Equity	Asset Alloc.	Large Cap	Asset Alloc.	DM Equity	Asset Alloc.	Asset Alloc.	EM Equity
DM Equity	5.7%	Large Cap	High Yield	Asset Alloc.	Large Cap	REITs	Cash	Asset Alloc.	REITs	High Yield	Asset Alloc.	EM Equity	Fixed Income	DM Equity	DM Equity	REITs
EM Equity	3.4%	Asset Alloc.	Asset Alloc.	Small Cap	Asset Alloc.	Cash	High Yield	High Yield	Asset Alloc.	REITs	Small Cap	High Yield	High Yield	Large Cap	EM Equity	Cash
Fixed Income	2.4%	High Yield	DM Equity	DM Equity	Fixed Income	Fixed Income	EM Equity	Small Cap	Fixed Income	Fixed Income	Fixed Income	Cash	Cash	EM Equity	Fixed Income	REITs
Cash	1.2%	Fixed Income	Fixed Income	Comdty.	Cash	EM Equity	DM Equity	EM Equity	DM Equity	Comdty.	DM Equity	Comdty.	Comdty.	Fixed Income	Small Cap	Cash
Comdty.	-1.0%	Cash	Cash	EM Equity	Comdty.	Comdty.	Comdty.	Comdty.	Cash	Cash	EM Equity	Cash	REITs	EM Equity	Comdty.	Fixed Income

Source: Bloomberg, FactSet, MSCI, NAREIT, Russell, Standard & Poor's, J.P. Morgan Asset Management. Large cap: S&P 500, Small cap: Russell 2000, EM Equity: MSCI EME, DM Equity: MSCI EAFE, Comdty: Bloomberg Commodity Index, High Yield: Bloomberg Global HY Index, Fixed Income: Bloomberg U.S. Aggregate, REITs: NAREIT Equity REIT Index, Cash: Bloomberg 13m Treasury. The "Asset Allocation" portfolio assumes the following weights: 20% in the S&P 500, 10% in the Russell 2000, 15% in the MSCI EAFE, 5% in the MSCI EME, 25% in the Bloomberg U.S. Aggregate, 5% in the Bloomberg 13m Treasury, 5% in the Bloomberg Global High Yield Index, 5% in the Bloomberg Commodity Index and 5% in the NAREIT Equity REIT Index. Balanced portfolio assumes annual rebalancing. Annualized (Ann.) return and volatility (Vol.) represents period from 12/31/2009 to 12/31/2024. Please see disclosure page at end for index definitions. All data represents total return for stated period. The "Asset Allocation" portfolio is for illustrative purposes only. Past performance is not indicative of future results. Guide to the Markets - U.S. Data as of December 31, 2024.

J.P.Morgan  
ASSET MANAGEMENT

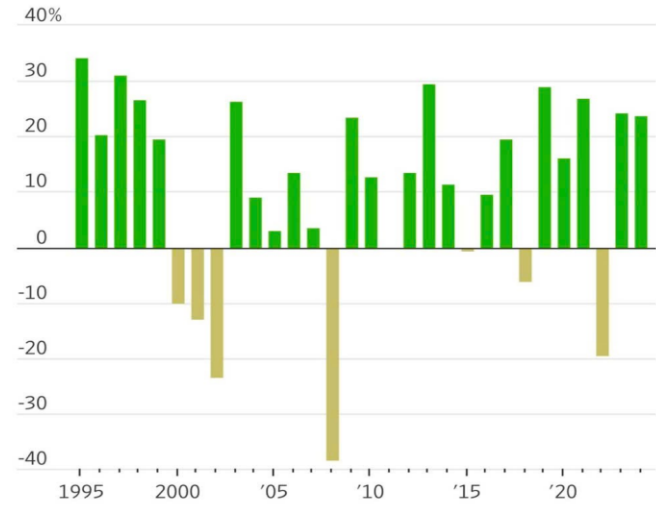


MSTR đang thử thách hỗ trợ là khoảng trống giá



Hiệu suất sinh lời hàng năm của S&P 500 ?

S&P 500 performance each year



Mô hình tăng giá bắt đầu quý mới của Tesla sẽ tiếp tục lặp lại ?



S&P 500 đang giao dịch ở khu vực hỗ trợ mạnh trong ngắn hạn ?



**Kết luận:** Dự báo các chỉ số chính sẽ sẽ tăng điểm vào phiên giao dịch tới nay.

(\*)**Bản quyền:** Bản tin này được bảo vệ bản quyền Công ty Cổ phần Chứng Khoán Smart Invest bởi luật pháp Việt Nam và các luật lệ, công ước khác. Mọi hình thức sao chép, tái bản, sử dụng trên các phương tiện truyền thông đối với Bản tin này cần được sự đồng thuận của Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest

**Tuyên bố miễn trách nhiệm:** Những dữ liệu trong Bản tin này được dựa trên và dẫn xuất từ những nguồn thông tin đại chúng và được cho là đáng tin cậy; tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm và cam kết về tính chính xác và thích hợp của các thông tin đó đối với mọi đối tượng người dùng Dữ liệu trong Bản tin có thể thay đổi mà không cần báo trước Bản tin được viết cho mục đích cung cấp thông tin, không bao gồm bất cứ một khuyến nghị mua bán nào hướng tới mọi loại công cụ tài chính và cam kết trong bất kỳ chiến lược giao dịch nào Công ty cổ phần chứng khoán Smart Invest miễn trách đối với mọi hình thức hiểu và sử dụng Bản tin.



## CTCP CHỨNG KHOÁN SMART INVEST (AAS)

 <https://www.aas.com.vn>

 Tổng đài: 1900 1811

 [trungtamcskh@aas.com.vn](mailto:trungtamcskh@aas.com.vn)

Mở tài khoản ngay

